

KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 8

- Giải thích tâm pháp sinh diệt:

Giải thích khoa tâm pháp sinh diệt, vì trong phần lập nghĩa nói: “tướng nhân duyên sinh diệt, của tâm này có công năng chỉ bày tự Thể, Tướng, Dụng, của Đại thừa”. Đây là giải thích về tướng nhân duyên sinh diệt của một bộ luận.

Nhiễm tịnh sinh diệt: vì pháp nhiễm, pháp tịnh đều có sinh diệt. Nhiễm do thuận dòng là sinh, ngược dòng là diệt. Tịnh do ngược dòng là sinh, thuận dòng là diệt. Lại, lúc sinh pháp nhiễm là lúc pháp tịnh diệt, lúc sinh pháp tịnh là lúc pháp nhiễm diệt. Lại, sinh pháp nhiễm là vọng sinh, diệt là diệt hết; pháp tịnh sinh là hiện sinh, hiện diệt, là ẩn diệt. Tuy nói chung sinh diệt mà nghĩa có khác.

I. NHƯ THỂ:

Luận nói, Như Lai tạng, có đủ ba nghĩa là nghĩa ẩn che, nghĩa gồm nhiếp và nghĩa phát sinh. Trong Ẩn che lại có hai nghĩa:

Tạng của Như Lai gọi là Như Lai tạng: Tức phiền não là năng tạng, Như Lai là sở tạng. Tạng ở Như Lai, tạng của Như Lai là Y chủ thích. Như trong hộp có vàng gọi là hộp vàng, hộp chẳng phải là vàng. Nên Kinh Bát-nhã lý thú chép: Tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng, kinh Thắng-man và Kinh Như Lai tạng có nói đầy đủ như ở đây.

Như Lai tự ẩn chẳng hiện, gọi là Như Lai tạng: Pháp thân không có tướng, không thể dùng trí biết, thức biết, như mắt kia thấy. Kia Như Lai tức tạng là Trì nghiệp thích, như trong Luận Phật Tánh nói.

Trong gồm nhiếp lại có ba nghĩa:

Thể bao gồm dụng, nghĩa là trong Pháp thân có thân tướng dụng, v.v...

Thánh bao gồm phàm phu: Nghĩa là tất cả chúng sinh đều ở trong trí Như Lai, cũng như trong Luận Phật Tánh nói.

Nhân bao gồm quả: Nghĩa là nhân vị đã gồm nhiếp công đức quả vị, ở đây lấy nhân làm tạng, tạng là quả Phật. Hai câu trước là Trì nghiệp

thích, một câu sau là y chủ thích.

Trong phát sinh: Nghĩa là bậc Thập Địa chứng chân gọi là Tạng, thành tựu quả Phật gọi là Như Lai, cũng là Trì nghiệp thích. Nay luận trong sáu nghĩa trừ nghĩa thứ tư và thứ sáu, ngoài ra đều chung. Số có hai:

- Chính giải thích:

Nêu thể, nói có chung và riêng, riêng chỉ chấp sở y, tức Như Lai tạng là thể, chung thì gồm chấp năng y, tức Như Lai tạng và tâm sinh diệt cùng làm thể. Do pháp sinh diệt đều nương nơi đây, nay chung cả hai mà nói. Tuy nhiên, sau đây nói về nghĩa sinh diệt và chẳng sinh diệt, nói năng y sở y, thật không có hai thể, chỉ có nghĩa lý nương nhau mà không có pháp thể nương nhau.

Như bất động v.v... trở xuống, là ví dụ để trình bày.

Nên biết v.v... trở xuống, là pháp và hợp đều như văn, lời nói suy nghĩ ý khiến hợp sâu kín, khiến pháp như dụ đều không hai thể.

Lãng-già trở xuống là dẫn chứng. Kinh nói: “Này Đại Tuệ! Như Lai tạng là luân chuyển nhân khổ vui, ý loạn tuệ ngu si, phàm phu không thể biết”. Kinh Thắng-man nói: “Thế tôn nương Như Lai tạng nên có sinh diệt, nương Như Lai tạng nên chứng Niết-bàn. Nếu Thế tôn không có Như Lai tạng thì không thể chán khổ sinh tử, cầu vui Niết-bàn”.

Đúng như lời nói mà phân biệt:

Đây hiển bày v.v... trở xuống, là đúng như lời nói mà phân biệt. Nương nước có sóng, ý hiển bày nước sở y hoàn toàn khởi thành sóng năng y khác nhau. Nương mẹ mà có con, chẳng phải hoàn toàn mẹ thành con. Năng sở riêng biệt, đây là nêu một pháp. Do ngang dọc luận chẳng phải, là nói về hai pháp rộng khắp.

Do đây v.v... trở xuống, là xuất phát lý do, bởi chân sở y khởi thành vọng năng y, được có nghĩa giác và bất giác. Vì có hai nghĩa bèn lấy pháp vọng bất giác, để hiển bày ba đại trong nghĩa giác. Như nước khởi thành sóng, động và ướt cả hai đều toàn vẹn. Do có động và ướt, liền hay lấy động để bày ướt. Nếu nói nương mẹ mà có con, mẹ chẳng ở trong con. Vì chẳng ở trong nên không thể dùng con hiển bày mẹ.

Cho nên v.v... trở xuống, là tổng kết thành sở y của nghĩa trên, tức Như Lai tạng.

II. NÓI VỀ TƯỚNG. Số có hai:

Giải thích nghĩa hòa hợp. Có ba:

a. Lược chỉ bày:

Chẳng cho rằng, v.v..., ý nói: chân như khởi sinh diệt lại cùng sinh diệt hòa hợp với chân như, chẳng cho rằng có riêng một đoạn sinh diệt, từ ngoài mà đến hợp với chân như.

Tâm sinh diệt: là chân của toàn vọng.

Tâm Sinh diệt, là vọng của toàn chân. Đây là gốc ngọn nhiếp lẫn nhau. Chẳng cho rằng kết thành sáu thứ giải thích, tướng không hai, tâm tức là thể sinh diệt, tướng ẩn che này đều là một nên không có hai.

b. Giải thích đầy đủ. Có hai:

- **Chính giải thích:** Tâm chẳng diệt là môn Chân như, tâm sinh diệt là môn Sinh diệt.

Từ xưa giác khởi, v.v... là tột nguồn vọng, Bản giác khởi thành sinh diệt, chẳng cho rằng có riêng sinh diệt từ giác mà khởi, như nước khởi sóng, nghĩa ấy không khác nhau, bản giác tức Như Lai tạng.

Không hai thể: trước nói không hai tướng, ở đây nói không hai thể, ý nói rõ chỉ có một tướng, một thể. Vì tâm là thể của sinh diệt, sinh diệt là tướng của tâm, giác thành bất giác, bất giác và giác không có tướng lìa nhau.

- **Dẫn chứng:** Nên văn dưới v.v... trở xuống, có ba:

Dẫn văn: Tức trong văn bản giác theo nhiệm.

Giải thích ý: Trong đây v.v... trở xuống.

Hợp pháp: Tâm cũng v.v... trở xuống.

Thần giải: bản giác chẳng mờ, linh thông chiếu soi. Ngoài ra xem văn sẽ hiểu.

Sớ Đây là, v.v... trở xuống là lạm phân biệt.

Bất sinh diệt hợp với sinh diệt, nghĩa là chân theo vọng chuyển làm môn trôi lăn, tức nghĩa bỏ bối giác hợp trần.

Chẳng phải là v.v..., dứt vọng về chân là môn toàn diệt, tức nghĩa bỏ trần về giác. Nhưng trong hai môn này theo hợp thì thể ẩn tướng hiện, ngược hợp thì tướng mất thể rõ. Môn trước nói: “Tất cả pháp đều chân, đều đồng như”. Đây là ngược hợp. Môn này nói: “Nương Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt”, Lại nói: “Nương giác nên có mê...”, đây là theo hợp. Do đó trong số nghĩa trước tức môn Sinh diệt, nghĩa sau tức môn Chân như.

Luận: Chẳng phải một khác: Có ba:

Theo pháp nói lược:

Sớ: Chân như”: tức chẳng sinh diệt ở trước, chẳng có chút xao động nên nói toàn thể. Đã toàn thể động thành pháp sinh diệt, đâu có khác. Tuy thành sinh diệt mà tánh chẳng thay đổi. Từ xưa đã như

vậy, chẳng phải đến ngày nay, nên nói thường sinh diệt. Nghĩa biến và chẳng biến khác nhau, nên nói chẳng phải một.

Y kinh nêu ra thể:

Kinh Lăng-già v.v... trở xuống, là lấy kinh làm bằng cứ từ thể xuất phát. Thức thứ bảy là thấy, nghe, ngửi, nếm; giác biết là mặt-na, ngoài ra xem văn sẽ biết.

Y cứ nghĩa giải thích rộng, môn khác v.v.... trở xuống, có ba:

Giải thích lìa, có hai:

Giải thích chẳng khác. Có ba, nhưng trong ba đoạn đều lấy chân như làm gốc, sinh diệt làm ngọn. Ban đầu lấy chẳng sinh diệt nói hưởng đến sinh diệt, kế là lấy sinh diệt nói hưởng về chẳng sinh diệt. Sau cùng tức hai môn đồng thời đồng chỗ mà nói.

Kia chẳng khác: nghĩa ở năng thành (hay thành) tức chỉ đồng đều, trong sáu chữ theo văn tường tận mà rõ hội.

Hỏi: Luận nói: chẳng một chẳng khác. Số thuận hợp luận để rõ. Tại sao trước giải thích chẳng khác; sau giải thích chẳng phải một?

Đáp: Luận thuận nương nghĩa chân liền khởi vọng, trước nêu chẳng phải một, sau nói chẳng phải khác. Văn nói: “Nương Như Lai tạng mà có tâm sinh diệt, chẳng sinh chẳng diệt hợp với sinh diệt”. Đây chẳng phải nghĩa một. Nhưng, sinh diệt này đã nương tâm thể chẳng có tướng lìa tánh, sau mới được nói chẳng khác. Văn của số đứng về mặt pháp giải thích rộng, khiến người sinh hiểu. Tóm lại, trước biết thể không hai, do không hai mới thành chẳng phải một. Ở đây nói đầy đủ pháp thuận, khiến ngộ vốn không có chân, chân khác nhau. Ngộ pháp này rồi mặc tình biện nghĩa khác, tức chẳng mê gốc. Nên số ở sau nói: “Trong đó chẳng có chẳng phải trái chẳng phải khác”, để rõ chẳng phải một, cũng chính do chẳng khác nên thành ở chẳng phải một.

Lấy gốc theo ngọn mà giải thích: Kinh Lăng-già chép: “Nhân Thiện và bất thiện”. Mười điều ác như sát sinh, v.v.... là bất thiện, không sát sinh, v.v... là mười điều lành.

Tất cả thú sinh, là sáu đường bốn loài, trong đó gồm có thiện và bất thiện.

Sinh diệt, nghĩa xả ấm chấp ấm, đây là Như Lai tạng là chân như, thiện bất thiện, v.v... là sinh diệt. Đã nói Như Lai tạng làm nhân năng tạo tức chẳng khác. Lại, kinh Niết-bàn chép: “Thí như trên núi Tuyết có một vị thuốc, gọi là lạc vị (vị vui) vị kia rất ngọt, ở nơi rừng sâu, mọi người không thấy, có người nghe mùi hương biết trong đất kia sẽ có vị thuốc. Thời quá khứ có vua Chuyển luân, ở trong núi Tuyết vì loại thuốc

này, nên nơi nơi chồn chồn làm ống trúc để lấy loại thuốc này, khi thuốc đến lúc chín, từ đất phát ra nhóm lại trong ống trúc, vị kia chánh chân. Sau khi Vua băng, thuốc này lạt, mặn, ngọt, đắng, cay, chua thành sáu vị khác nhau. Như thế mỗi vị tùy theo chỗ chảy kia mà có các vị”. Đây ví dụ như Phật tánh do phiền não mà phát ra các thứ vị, nghĩa là sáu đường. Ở đây, Phật tánh là chân như, sáu đường là sinh diệt, đã nói Phật tánh theo mà thành, tức nghĩa không khác nhau.

Nhiếp ngọn, nhiếp ngọn v.v... trở xuống, có hai:

Chính giải thích:

Nay nghĩa chúng sinh tức như: là dẫn trong Kinh Tịnh Danh, như ở trước dẫn chứng. Nhưng, chúng sinh là sinh diệt, như thế chân như đã nói là “tức”, nên biết chẳng phải khác.

Niết-bàn, v.v..., văn nói: “Này người thiện nam! Ta nói trong các kinh, nếu người thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Phật, thấy Phật tức là thấy Phật tánh. Vì sao? Tất cả chư Phật lấy đây làm tánh. Này người thiện nam! Quán mười hai nhân duyên có bốn thứ trí, được bốn thứ Bồ-đề. Cho đến nói: “Do nghĩa này, mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh”. Đây tức Phật tánh là chân như, mười hai nhân duyên là sinh diệt, đã nói mười hai nhân duyên là Phật tánh, đâu có khác ư!

Thập địa..., đây là ý Kinh Hoa Nghiêm, văn của KINH kia nói: “Này Phật tử! Bồ-tát lại nghĩ rằng: Tất cả ba cõi chỉ là nhất tâm, Như Lai ở đây phân biệt giảng nói có mười hai chi, đều ở nơi nhất tâm, như thế mà lập. Nay chỗ dẫn chứng của sơ là trong luận dẫn lại kinh kia.

Nghĩa đế đệ nhất, là luận giải thích. Tâm là thật tướng trung đạo nên nói là nghĩa đế đệ nhất. Kia nói ba cõi là sinh diệt, nhất tâm là chân như. Chỉ một chữ hiển bày chẳng khác. Lại đây, v.v... trở xuống, tức trong văn thí giác. Bốn tướng là sinh diệt, nhất giác tức chân như. Đã nói bình đẳng mà đồng, muốn lấy gì làm khác. Nhưng nghĩa chẳng khác này, sâu mà ẩn kín, khó có thể tin hiểu, ở đây rộng dẫn chứng kinh luận.

Đối trước biện lại:

Lại trước v.v... trở xuống, là đối trước nói lại, tức đối lại khoa trước để nói lên chẳng khác.

Tức gốc ngọn: giải thích lại khoa trước, đây do ngọn thấu ở gốc, chẳng có gốc thì chẳng có ngọn, như dùng sóng nhiếp nước, không nước thì không sóng, lại đâu có nước và sóng là khác, nên nói chẳng khác.

Sau tức, v.v..., nói lại khoa này, nghĩa nhiếp ngọn trở về gốc,

ở đây lấy gốc thâu ngọn, không ngọn thì chẳng có gốc. Như có nước thì có sóng, không sóng thì không nước, lại đâu có sóng và nước khác nhau. Trước chỉ ngọn sau chỉ gốc, đã không có hai tướng nên nói chẳng khác.

Gốc ngọn bình đẳng:

Trong Kinh Lăng-già nói: “Này Đại Tuệ! Như Lai tạng, tạng thức bốn tánh thanh tịnh, vị khách trần làm nhiễm nên bất tịnh, ta vì phu nhân Thắng-man và các Bồ-tát có tịnh trí sâu mầu, mà nói Như Lai tạng gọi là Tạng thức cùng bảy thức đều khởi, giúp người Thanh Văn thấy pháp vô ngã. Ta vì Thắng-man nói cảnh giới Phật, chẳng phải cảnh giới ngoại đạo, ở đây nói Như Lai tạng tức là chân như, chân như và gốc, bảy thức là sinh diệt, sinh diệt là ngọn. Đã nói kia đều, tức nghĩa bình đẳng. Lại kinh cũng là kinh ấy khác chút ít với văn trước mà ý lại đồng, nói rõ rất dễ hiểu. Luận tức Luận Thập Địa.

Chỉ chân bất sinh: là quả Phật vô sinh.

Riêng vọng chẳng thành, vì không có chỗ nương, nhưng chỉ pháp chân thì dung chứa có, riêng pháp vọng thì hoàn toàn không. Nay dùng tướng đối trị đặt thuyết này.

Đây là trở xuống, v.v... đều là tổng kết, cũng thông tổng kết ba môn tướng tận.

Giải thích chẳng phải một, bất nhất v.v... trở xuống, văn có bốn:

Giải thích theo trước, có bốn:

Giải thích nhiếp gốc về ngọn: Tức chân như ở Sinh diệt. Nhiếp ngọn về gốc tức sinh diệt ở Chân như, đã một sinh diệt một chẳng sinh diệt, thì đâu phải một nghĩa, là ở tâm chẳng khác, nói về nghĩa chẳng một.

Dẫn chứng: Nương theo đây, v.v... trở xuống.

Giải thích văn: Giải rằng v.v... trở xuống, giải thích ý văn dẫn chứng ở trên.

Chẳng ở trong đó là không ở trong đó. Chẳng giống hai người cùng ở trong một ngôi nhà. Tức như hai cây thành rừng, hai cây đã phân, thì được nói một cây chẳng phải rừng.

Thông ngại: Đây đứng về mặt v.v... trở xuống, là thông ngại. Hoặc hỏi: Nghĩa đã chẳng phải một lẽ ra không hòa hợp, nên ở đây giải thích. Nghĩa là ở trong hai nghĩa, nêu nghĩa này nói một bên, chẳng cho rằng hoại hòa hợp kia để thành chẳng phải một. Tức biết chính là nói đây lúc chẳng phải nghĩa một, pháp kia vốn tự hòa hợp.

Vì sao?: là gạn ý. Vì sao do chẳng hoại hòa hợp, lại hay chẳng ư!

trong đây phần sau sẽ giải thích.

Như Lai tạng, Nghĩa là chẳng sinh diệt. Đã là chẳng sinh diệt tức sinh diệt, nên biết đây chẳng sinh diệt cùng tự bả thức sinh diệt không hề chẳng hòa hợp, đối với hòa hợp mà nói chẳng phải một.

Bảy thức, v.v..., nghĩa là sinh diệt. Đã là sinh diệt tức chẳng sinh diệt. Nên biết sinh diệt này và Như Lai tạng chẳng sinh diệt, không hề chẳng hòa hợp mà trong đây nói chẳng phải một.

Cái gọi là Tự, là nói lên chẳng khác bên ngoài, vốn chẳng lia nhau, chẳng lia nhau tức hòa hợp. Đây chỉ cho chỗ chẳng khác mà nói nghĩa chẳng phải một, ai nói phá hòa hợp này ư!

Giải thích trở lại chẳng phải khác, trong đây v.v... trở xuống, có hai:

Nêu: Rất dễ thấy.

Giải thích: Vì sao?, ý gạn nói: Chẳng trái chẳng khác, nghĩa kia đã rõ, đâu có lý do nào để thành chẳng phải một?

Nếu như, v.v... ý giải thích, nếu như lúc Như Lai tùy duyên mất tự thể chẳng sinh diệt, tức gồm tướng không sinh diệt do không có chỗ nương. Văn này trình bày hai pháp. Nếu khác có mất như ở đây thì không thành nghĩa chẳng khác, nghĩa kia đã không thành, nghĩa chẳng một này cũng chẳng thành. Do hai nghĩa đã mất thì đối với pháp gì để nói chẳng phải một ư!

Cho nên v.v... trở xuống là nói nghĩa chẳng khác. Nay do chẳng khác nên lúc sinh diệt khởi, chẳng mất bất sinh diệt, do chẳng mất nên sinh diệt còn. Hai nghĩa đã còn thì nghĩa chẳng phải một được thành lập, đâu không do chẳng khác, nên được thành chẳng phải một ư! Lại, cũng do nghĩa chẳng phải một này, nên được thành nghĩa chẳng khác kia. Vì chân khởi thành vọng, được nói có vọng mà chân vọng chẳng khác, nếu không khởi nói gì chẳng khác.

Đoạn trước chỗ chẳng nói, v.v... là do chưa nói nghĩa sau.

Nêu thể nhiếp nhau:

Lại đây v.v... trở xuống, là nêu nhiếp thể tướng, có hai:

Nói biện rõ:

Chân vọng v.v... trở xuống, đều xuất phát từ thể kia, như văn sẽ hiểu, ở đây do vô minh chẳng sinh diệt là chẳng có tướng thô sinh diệt.

Chẳng phải chẳng sinh diệt, do có tướng tế sinh diệt trôi chảy nêu lên như Phi tướng, phi phi tướng xứ.

Đây, bốn v.v... trở xuống: là nêu thể tướng.

Vả lại, nêu Như Lai tạng, ắt thấu các pháp, do tại triền mà gọi.

Lại nêu A-lại-da, do vô minh động, chân vọng hòa hợp. Nếu nêu bảy thức, cũng do vô minh và tạng đều ở trong A-lại-da. Nếu nêu vô minh, vô minh không tự thể, nương giác mà có, cũng ở A-lại-da. Văn sau nói nương A-lại-da mà có vô minh. Lại, nói lúc vô minh diệt phá thức hòa hợp, do đó nêu một thì bị che lấp.

Duyên khởi: Các pháp hòa hợp mới thành tướng nhất đại duyên khởi.

Giải thích nghi ngờ:

Trong đây v.v... trở xuống là giải thích nghi.

Hỏi: Nếu như vậy làm sao dẫn chứng kinh trước, nói Như Lai tạng chẳng ở trong A-lại-da, nên đây giải thích chung, do nghĩa nói như thế, chẳng có việc khác.

Nghĩa khác theo đây: nay văn nêu ví dụ, vả lại nói về mặt tánh vượt đối với sóng thì lấy ví dụ tạng tánh chỉ không sinh diệt đối với bảy thức, chỉ một nghĩa sinh diệt, để nói về tức lìa, đối với hai nghĩa kia lý cũng theo đây mà biết, nên nói suy nghĩ, văn trước nói: “Tùy theo mà nêu nghĩa một, tức dung nhiếp tự thể”.

Hỏi đáp thông ngại:

Đã hỏi v.v... trở xuống, là hỏi đáp thông ngại, có hai câu hỏi đáp:

Hỏi: Sao chỗ dẫn chứng ở trước văn kinh nói: “Như Lai tạng chẳng ở trong A-lại-da?”.

Đáp: Ý nói Chân và vọng hợp mới gọi A-lại-da, kia như A-lại-da đều không có tự thể, lại nói theo nghĩa thì hai pháp chân vọng đều ở trong ấy. Do đó, A-lại-da là chung, chân vọng là riêng. Chỉ hợp nói ở trong chung, không được nói ở trong riêng. Nay đã phân ra động tĩnh nên nghĩa chung của A-lại-da chẳng thành, không ở trong đó nên nói chẳng ở trong A-lại-da.

Ý hỏi: Nay A-lại-da đã chung động tĩnh, lẽ ra hợp cũng ở môn chân như, vì sao chỉ ở môn Sinh diệt.

Đáp: Nói chỉ ở môn Sinh diệt ý tự nhiên nêu nên biết chẳng ở môn Chân như. Vì A-lại-da khởi tĩnh để thành động, thể chẳng lìa nhau nên tĩnh theo động ở trong môn này.

Chẳng phải ngay, v.v..., ý nói chẳng động, còn tại môn động, hướng gồm cả động tĩnh.

Đâu do v.v... trở xuống là gạn giải thích rất dễ hiểu.

Nên theo mà suy nghĩ: ý giúp biết rõ chẳng ở môn Chân như, A-lại-da tuy có nghĩa tĩnh, nhưng chẳng ở môn Chân như. Vì tĩnh này là tĩnh theo động, chẳng đồng với tĩnh chẳng khởi ở môn Chân như. Thể

tĩnh tuy đồng, nghĩa tĩnh có khác. A-lại-da đã dính mắc ở tướng động tĩnh, nên chẳng ở môn Chân như. Do môn này chỉ có tĩnh, nên số lược chẳng nói nghĩa này, nên nói theo mà suy nghĩ.

Hợp giải thích hai nghĩa. Lại nếu v.v... trở xuống, có hai:

Ngăn một khác: Là tông tướng, vô tướng. Người học có thất ý, trong hai nghĩa này mỗi nghĩa đều có một lỗi.

Lìa đây v.v..., ở trước nói: “Nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt”, sau nói: “Vô minh diệt mà trí tánh chẳng hoại”.

Hiển hòa hợp. Lại nếu v.v... trở xuống, có ba:

Giải thích. Không hòa hợp, v.v..., là nêu như bài kệ trong luận nói rằng: Pháp nhiệm người nhiệm là một, pháp một làm sao hợp? Pháp nhiệm người nhiệm là khác, pháp khác làm sao hợp? Ở đây do chẳng phải nghĩa một khác thành nghĩa hòa hợp.

Dẫn chứng: Như kinh v.v... trở xuống, có ba:

Nêu cả hai dụ: Nêu cả hai ví dụ, tức như văn kinh Lăng-già nói.

Giải thích riêng hạt bụi và bùn: Như bùn v.v... trở xuống.

Chẳng phải kia thành, chẳng phải hạt bụi kia thành bùn. Nên không khác nhau, hạt bụi lúc chưa hòa nước nên gọi là bùn, đã thành bùn rồi nên gọi là hạt bụi.

Tổng hợp pháp: Như thế v.v... trở xuống là tổng kết do pháp hợp.

Tạng thức chẳng phải nhân, chẳng phải không, nhân chân tướng. Nếu đã thành khác thì tạng thức chẳng nhân chân tướng mà thành. Như ở trước bùn chẳng do hạt bụi. Như vậy, vì sao nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt. Tạng thức lẽ ra cũng phải diệt, do không có nghĩa hòa hợp, nên văn sau nói: “Phá tướng thức hòa hợp?”.

Nay nói diệt, chỉ không một phần sinh diệt, cho nên chẳng phải chân tướng diệt. Văn sau nói: “vọng tâm diệt, Pháp thân hiển hiện”, lại nói: “Tâm tướng diệt theo, chẳng phải tâm trí diệt”.

Nghiệp tướng diệt: Là nêu tế nhiếp thô.

Giải thích chỗ dẫn chứng kia: Giải thích rằng v.v... trở xuống. Xem văn rất dễ hiểu.

Tổng kết thành: Nay đây v.v... trở xuống.

c. Đặt tên. Số có hai:

- Giải thích ý luận:

Đây sinh, v.v... trở lại nghĩa một đoạn của văn trước.

Gọi là đây v.v... trở xuống, hợp hai nghĩa kia để tổng kết tên gọi này.

Nói rộng danh tướng: Hoặc nói v.v... trở xuống, có hai:

Đối với hai luận sư (Chủ soạn luận và sở giải) để nói về danh (tên của tám thức):

Sở Hạ, là nói xứ này (Trung Hoa), tiếng nói (của mỗi địa phương) như Ngô, Sở, Hoa, Hạ biến chuyển khác nhau. Ở Tây vực (Ấn-độ), tiếng nói của năm xứ Thiên-trúc cũng giống như vậy, nên chỉ kia (Ấn-độ) đồng với đây (Trung Hoa). Nói: “A-lại-da hay A-đà-na, v.v...,” đều do tiếng nói có nặng nhẹ khác nhau (nên dịch âm vận có khác).

Không mất, tức chánh văn và Phạm văn đối dịch. Tạng thức lấy danh nghĩa ở dưới. Dịch là Tạng, là hội cả hai tên ở sau. Do ngã kiến kia thuộc về Tạng, khiến từ vô thủ nối tiếp chẳng dứt, nên nói chẳng mất, là lấy danh nghĩa trên. Tuy ít chẳng đồng danh nghĩa ở dưới, nên chẳng khác. Như Phật tánh là giác, là biết, rõ ràng phân minh, v.v...

- Giải thích nghĩa theo ba tạng:

Sở nhiếp v.v... trở xuống là đứng về mặt ba tạng để giải thích nghĩa. Trong đó có chấp tạng, nghĩa năng tàng, sở tạng, theo thứ lớp giải thích.

Nghĩa là các v.v... trở xuống: là nêu.

Sở dĩ v.v... trở xuống, là giải thích.

Tương tự một: nghiệp tướng mới khởi chưa phân ra vương, sở và cảnh bên ngoài, thật chẳng phải một mà dường như một.

Tương tự thường, sinh diệt nhỏ nhiệm dường như thường mà chẳng phải thường. Kinh Lăng-nghiêm chép: “Tinh minh của ông lặng lẽ không xao động gọi là thường hằng”. Ở thân không phát ra sự thấy, nghe, hiểu, biết, vì tinh túy chân thật không dung chứa vọng, nên nói dường như thường.

Những người ngu: là tất cả dị sinh.

Không hai không trí, do dường như thật tức pháp chấp xác định rõ ràng chấp trí tướng không đổi, tức hai thức thứ sáu và thứ bảy là tâm năng chấp, ngã bên trong tức ngã chấp, đối với tự thân mà sinh chấp, vì chấp thân khác và các pháp đều có tự tánh, cũng gọi là ngã. Nên ở đây phân biệt rằng tự bên trong vậy.

Ngã kiến v.v... trở xuống là tổng kết làm nghĩa tạng. Nhiếp tức là chấp, đã là chỗ chấp của ngã kiến nên gọi là Tạng, chấp tức Tạng.

Do đó v.v... trở xuống, là xuất phát lý do. Hai thứ ngã kiến là Nhân và Pháp. Hằng chẳng khởi vị tức đệ Bát địa. Theo Duy thức nói, thức này có ba giai vị.

Địa vị ngã ái chấp tàng: gồm tất cả dị sinh, Nhị thừa, hữu học và Bồ-tát Thất địa trở xuống đều khởi ngã chấp. Chấp kiến phần thứ tám

làm ngã, thức thứ tám gọi là A-lại-da. Đây gọi là chấp tàng.

Địa vị nghiệp thiện ác khác nhau, tức gồm tất cả chúng sinh đến Thập địa mãn tâm, Nhị thừa, Vô học, v.v... do nhân thiện ác chiêu cảm quả vô ký, quả khác ở nhân gọi là Thức dị thực.

Địa vị nối nhau chấp giữ: Tức chung tất cả địa vị nhân quả, do thức thứ tám chấp giữ hạt giống các pháp không để mất gọi là A-đà-na. Nghĩa A-đà-na dịch là Chấp giữ. Nay nói địa vị chẳng khởi tức Bát địa trở lên. Do lia chỗ chấp của ngã kiến, không gọi là A-lại-da, nên mất tên kia.

Nhưng phân biệt, v.v... trở xuống: là địa vị lúc nhập quán, có tạm chẳng khởi, nên nói là hằng. Nhưng chẳng mất thức thể, nên nói là mất tên.

Lại năng tạng v.v... trở xuống là nghĩa sở tạng: Nghĩa là thức này là thể tạng ở căn thân hạt giống thế gian. Do căn thân, v.v... là tướng phần của thức này. Như hạt châu trong pho tượng, chẳng giống như thân ở trong thất. Nếu tìm thức A-lại-da chỉ ở trong sắc tâm, muốn tìm hạt châu ma ni chỉ ở trong xanh vàng.

Lại các pháp năng tàng v.v... trở xuống, là nghĩa năng tàng. Nghĩa là căn thân các pháp đều ẩn ở trong thức thể, như hạt ngọc trong pho tượng, muốn tìm tất cả tượng, gồm ở trong ma-ni. Nhưng chỉ lấy nghĩa trước làm năng sở lẫn nhau.

Luận nói: v.v... trở xuống, là dẫn Duy thức chứng thành rất dễ hiểu. Khoa nói: Giải thích tâm sinh diệt ở trên. Do trong phần lập nghĩa nói là tướng nhân duyên tâm sinh diệt, nay lại giải thích tâm sinh diệt.

Luận hai thứ nghĩa v.v... trở xuống, sơ chia làm hai:

Giải thích khai số, có hai:

Nêu lên giải thích ý:

Ít nạn: do đây trong một thức có hai nghĩa bao gồm nhiều pháp. Bên ngoài bao la muôn tượng, bên trong năng sở đều thành. Còn thì sinh tử không bờ mé, phá thì sẽ được Niết-bàn. Nếu không phân biệt, thì làm sao rõ biết. Hành tướng u ẩn, nên gọi là Nạn. Nhưng trí sâu kia ở đây có thể rõ. Lại, nói ít là chút ít, là bao gồm kiểm nghiệm chung trước sau của luận để giải thích ý này, nhưng cũng chỉ bằng môn Sinh diệt.

Y nghĩa giải thích đủ, vì sao? V.v... trở xuống. Có ba:

Theo chân vọng khai hợp để giải thích nghĩa, căn có bảy:

Khai chân vọng thành bốn nghĩa:

Nhưng Chân và vọng đều nương nhất pháp giới mà nói tâm. Bởi tâm này xưa nay có thể, có dụng, tức thể ở dụng thì tịch nhiên vắng

lặng, tức dụng ở thể rõ ràng giác biết. Do từ vô thí mê lầm, ở chỗ vắng lặng ràng buộc căn thân, trần cảnh, ở chỗ giác biết thì phân biệt tán loạn duyên lự. Nên Triệu Công nói: “Pháp thân ẩn nơi hình tướng, chân trí ẩn trong duyên lự. Tuy nhiên, hình tướng duyên lự xưa nay thể không, vắng lặng giác biết xưa nay bất biến. Chân thật bất biến vốn tự tùy duyên, vọng nơi thể không, xưa nay thành sự, chẳng có nhân tạo tác pháp cũng như thế. Chúng sinh thân tâm hiện nay nếu như thế, tức đối với nghĩa này để nói nghĩa nhiệm tịnh duyên khởi, nay chẳng nêu riêng.

Nhất tâm: bao gồm tại trong chữ Chân, do không có hai thể.

Bất biến, chưa từng chẳng vắng lặng, chưa từng chẳng hay biết. Nên luận nói: “Có chỗ cho rằng tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt” Lại nói: “Chẳng tương ưng tất cả pháp nhiệm.” Lại nói: “Có chỗ nói giác là tâm thể lìa niệm, v.v... hư không giới”.

Tùy duyên, là theo nhiệm thuận dòng mà thành chín tướng. Văn nói: “Nương Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt, v.v...” Theo tịnh ngược gốc thành bốn địa vị, nên văn sau nói: “Giác biết niệm trước khởi ác, dừng được niệm sau chẳng để kia khởi”.

Thể không: pháp biến kế tình có lý không, nên luận nói: “Tất cả các pháp chỉ do vọng niệm mà có khác nhau.” Lại, nương pháp khác tướng có tánh không, nên luận nói: “Cho nên tất cả pháp như bóng trong gương” không thật có.

Thành sự: thành việc nhiệm thì ba cõi nương chánh, thành việc tịnh thì ba thừa do nơi quả. Như điều nói ở dưới là chín tướng hai thân. Đây là tùy duyên như giấc mộng, thành sự như mộng thấy vật. Thể không cùng giấc mộng, thấy vật vốn không, bất biến như trong thân như nhiên.

Gom bốn nghĩa thành hai môn. Chân này, v.v... trở xuống: Nghĩa đầu tức trong chân bất biến, trong vọng thể không, do đây hai nghĩa thành môn Chân như. Môn này nhiếp vọng thì vọng thể không, nhiếp chân thì chân bất biến. Nhiệm tịnh bình đẳng nhất tướng vô tướng, nên có môn này. Nghĩa sau tức trong chân tùy duyên, trong vọng thành sự, do đây hai nghĩa thành môn Sinh diệt, môn này nhiếp chân thì chân tùy duyên, nhiếp vọng thì vọng thành sự, tức thành tướng nhiệm tịnh, các pháp khác nhau nên có môn này.

Khai sinh diệt thành bốn nghĩa: Đây tùy v.v... trở xuống, đây là trong môn Sinh diệt, chân vọng đối nhau, tự tha luận lẫn nhau, liền thành bốn nghĩa. Song trong chân trái với tha thuận với tự, tức là trong

vọng trái với tự, thuận với tha. Trong chân trái với tự, thuận với tha tức là trong vọng trái với tha, thuận với tự. Chỉ vì môn khác nhau mà nghĩa là một, hành tướng trái thuận thấy ở văn sau.

Khai bốn nghĩa thành tám nghĩa: Vô minh v.v... trở xuống, có ba:
Chỉ bày tám nghĩa:

Vô minh v.v... trở xuống, nói về bốn nghĩa trong vọng.

Chỉ bày tánh, v.v... ngược dòng đối nhiễm hiển bày công đức chân tánh. Như ở sau nói: “Bất giác niệm khởi thấy các cảnh giới, nên nói là vô minh. Tâm tánh chẳng khởi tức nghĩa trí tuệ sáng suốt rộng lớn”. Cho đến nếu tâm có động, có đủ nghĩa vọng nhiễm nhiều hơn hà sa. Tâm tánh chẳng động thì có nghĩa các tướng tịnh công đức, thị hiện nhiều hơn hà sa, lại nói tánh vốn không nhỏ hẹp, thuận tu đàn độ.

Biết danh nghĩa, vọng tâm phân biệt thuận lúc sinh diệt, thuộc về vô minh, gọi là dụng nhiễm, nếu thuận chân như thì gọi là Dụng tịnh. Nên văn sau nói: “Do có bất giác tâm vọng tưởng, nên biết được danh nghĩa vì đó nói chân giác. Nếu lìa tâm bất giác thì không có tự tướng chân giác để nói”. Lại nói: “Pháp nhiễm vô minh thật không có dụng tịnh, chỉ do chân như huân tập nên có dụng tịnh”.

Ẩn chân: chân lý bình đẳng, vọng tâm khác nhau. Khi vọng hiện khác nhau, chân bình đẳng liền ẩn. Văn sau nói: “Nghĩa tâm nhiễm gọi là phiền não ngại, làm chướng trí căn bản chân như.”

Nghĩa vô minh: gọi là trí ngại, làm chướng nghiệp chướng tự nhiên ở thế gian.

Nên thành vọng tâm: do chỗ khởi của vô minh huân tập, luận nói: “Vì có nhân pháp nhiễm vô minh huân tập chân như, do huân tập nên có vọng tâm, v.v...” Lại nói: “Nghĩa vô minh huân tập có hai thứ.

Căn bản huân tập vì thành tự ngã nghĩa nghiệp thức.

Chỗ khởi kiến ái huân tập, vì thành tự ngã phân biệt sự thức”.

Chân như v.v... trở xuống, nói trong chân có bốn nghĩa.

Hiển bày chân đức, ngược dòng ngược nhiễm, hình đối pháp vọng để hiển bày chân đức này. Tức phần sau theo nhiễm tướng trí tịnh trong bản giác. Văn nói: “Nương pháp lực huân tập, như thật tu hành đầy đủ phương tiện, phá tướng thức hòa hợp diệt tướng tâm nối tiếp, hiển bày Pháp thân trí thuần tịnh”.

Khởi dụng tịnh: vô minh là vọng, thường khởi dụng nhiễm. Vì chân có năng lực huân tập, khiến kia ngược dòng thuận tánh chân như, nên nói dụng tịnh. Sau nói: “Tự thể tướng huân tập là từ vô thỉ đến nay có đủ pháp vô lậu, có đủ nghiệp không thể nghĩ bàn, tạo tánh cảnh giới.

Nương hai nghĩa này thành thường huân tập, khiến cho chúng sinh chán khổ sinh tử ưa cầu Niết-bàn”. Lại nói: “Do có pháp chân như, huân tập vô minh, cho đến được Niết-bàn, thành nghiệp tự nhiên, v.v...”

Chân ẩn: tức ở trước nói chân như tùy duyên thành thức A-lại-da, đã thành thức rồi ẩn ở trong thức, do kia ẩn gọi là Như Lai tạng, đã thấy tất cả văn trên.

Vọng hiện” chân thể đã ẩn, tướng vọng tức hiện, là tướng cảnh giới. Sau nói: “Chẳng rõ pháp chân như nên bất giác niệm khởi, hiện cảnh giới vọng”.

Hợp đối bốn giác:

Trên đây v.v... trở xuống là hợp đối với bốn giác. Nhưng giác này và bất giác chỉ lấy tướng chân vọng khác với môn, mỗi thứ có bốn nghĩa nên khai thành tám. Nay đối với chân vọng, mỗi thứ phân ra thể dụng... hai hai theo nhau nêu chỉ có bốn. Như số có bốn đoạn. Hai đoạn trước đứng về mặt tịnh phân thể dụng kia. Đoạn đầu hợp hai, thuận thể thành bản giác. Kế lại do v.v... trở xuống, hợp hai thuận dụng thành thỉ giác.

Sau lại do v.v... trở xuống hai đoạn là nhiệm mà phân chia thể dụng kia. Đoạn đầu hợp hai, thuận thể thành căn bản bất giác. Kế Lại do trở xuống, hợp hai thuận dụng thành bất giác chi mật. Là do hai, hai hợp luận chính thành nhiệm tịnh, mỗi thứ phân ra thể dụng, nên hợp tám thứ trước thành bốn nghĩa.

Kết chỉ rộng lược, đây sinh v.v... trở xuống: nhưng tám môn rộng thì đã tốt, bốn môn lược thì chưa tốt. Do thứ lớp lại có hai làm một.

Nói bốn nghĩa, tức bốn nghĩa trái thuận ở trên, chẳng chấp bốn giác này làm bốn, lấy đây tổng kết chỉ văn trên.

Gom tám nghĩa thành bốn môn: Đứng về mặt v.v... trở xuống.

Nói phân tướng, nghĩa là giới hạn của pháp tướng. Do tất cả duyên tịnh phần hạn pháp tướng thuộc ở hai giác, tất cả duyên nhiệm phần hạn pháp tướng thuộc về hai bất giác. Lại trong đó thể của pháp tịnh thuộc về Bản giác, dụng của pháp tịnh thuộc về Thỉ giác. Thể của pháp nhiệm thuộc bất giác căn bản. Tướng của pháp nhiệm thuộc bất giác chi mật, nên hợp tám thứ trước để thành bốn.

Gom bốn môn thành hai nghĩa: Nếu bốn v.v...trở xuống: Nghĩa là Thỉ giác là ngọn, chẳng lìa gốc bản giác. Nên văn sau nói: Thỉ giác tức đồng bản giác. Lại nói: Thật chẳng khác thỉ giác, cho đến bình đẳng thành một giác. Bất giác chi mật chẳng lìa căn bản bất giác. Văn sau nói: “Nên biết vô minh sinh ra tất cả pháp nhiệm, vì tất cả pháp nhiệm đều là tướng bất giác. Nhưng, Bản giác Thỉ giác chỉ là khác thể dụng.

Hai bất giác căn bản, chi mặt chỉ là khác thô tế, đây được lia thể có dụng, lia tế có thô nên chỉ có hai.

Hợp hai nghĩa thành một môn, nếu bao dung v.v... trở xuống, do gốc từ một môn sinh diệt, lần lượt khai thành nghĩa tám môn, cho đến y cứ gốc để nói ngọn. Nay lại thu gom thành môn Sinh diệt, thì đó là nhiếp ngọn về gốc.

Theo giới hạn các thức để kết thành: Lại nếu v.v... trở xuống, là đứng về mặt giới hạn các thức để kết thành.

Các thức, v.v..., tức bốn thức và sự thức. Nhưng hai thức này giới hạn hành tướng đều chẳng phải tướng. Do bốn thức là thể, sự thức thuộc dụng. Nay lấy hai bốn là thể, nên phân ở thể, do A-lại-da từ vô tử nối tiếp đầy đủ giác, bất giác. Hành tướng thuận nhau, nên hai bốn đều ở trong đó. Văn sau nói: “Do Như Lai tạng không có mé trước, tướng vô minh cũng không có ban đầu”.

Ngoài hai, v.v..., khi chỉ giác ngộ mới có sáu thô nương gá cảnh mà sinh ra, hành tướng thô phù nên ở thô phân. Cho nên hai tướng này ở trong thức sinh khởi, đây là nhiếp bốn giác về hai thức.

Nếu về bản giác v.v... trở xuống là nhiếp sự thức trở về bốn thức. Do thể dụng chẳng hai, như sóng và nước. Cho nên bốn nghĩa đều chẳng lia bốn thức. Đây tức là đồng một môn Sinh diệt ở trước. Trước là nói theo môn, nay là nói theo thức.

Nên nói v.v... trở xuống là tổng kết do rộng thành tám, nhiếp thành hai. Hai nghĩa đều từ trong một thức xuất phát. Nên nay luận nói: “Thức này có hai nghĩa”.

Theo hỏi đáp thông ngại để nói về khác:

Hỏi: Đây v.v... trở xuống, có hai:

Nói về khác có hai nghĩa:

Ý hỏi rất dễ hiểu. Trong phần đáp, trước phân biệt chính đáp. Ban đầu nói nhất tâm có hai nghĩa, tức nương nhất tâm pháp có hai thứ nghĩa môn. Tùy duyên là môn Sinh diệt, bất biến là môn Chân như.

Nay đây v.v... trở xuống là nói một thức có hai nghĩa, tức chỉ theo môn Sinh diệt, không bao gồm môn Chân như. Trong đây, lý tịnh tức nghĩa giác, sự nhiễm tức nghĩa bất giác, tức nghĩa sinh diệt chẳng sinh diệt hòa hợp ở trước. Rộng như ở trước giải thích. Không hai tướng tức nghĩa hòa hợp chẳng khác ở trước. Nhiễm tịnh, v.v... tức là nghĩa chẳng phải một.

Đó là v.v... trở xuống, phân thành rộng hẹp rất dễ hiểu.

Nói về khác, có hai: Hỏi ở đây v.v... trở xuống: Ý hỏi rằng: Nếu

nói đồng thì phải đều gọi là Chân như, chẳng như thế thì đều gọi Bản giác. Vì sao trước sau đặt tên riêng? Nếu nói khác, tại sao lại luận riêng. Trong phần đáp đứng về mặt thể dứt tướng. Như ở trước nói: Tâm chân như tức là thể nhất pháp giới pháp môn đại tổng tướng, cho đến lìa tướng nói năng, danh tự tâm duyên.

Bản giác, v.v..., là chỗ chỉ bày Tướng đại trong văn.

Bổn v.v... trở xuống là giải thích lý do, là công đức bổn tánh tức giác. Nay lược để đặt tên, là bản giác. Đứng về mặt rộng để nói lên tướng, gọi là tánh công đức.

Do đây v.v... trở xuống là tổng kết phân biệt chỗ khác nhau. Nghĩa là tên của bản giác không nói trong môn Chân như, mà trong môn Sinh diệt, do đứng về mặt ngược vọng mà lập.

Cho nên v.v... trở xuống là dẫn chứng điều mà pháp chỉ bày, chứng thành nghĩa trước.

Luận: Sinh ra tất cả pháp, Sơ có ba:

Đối môn trước để thông mỗi nghĩa:

Hai thứ trên v.v... trở xuống: nạn ngoài đoạn văn.

Do đây v.v... trở xuống: giải thích chung nghĩa hẹp, như trước đã thấy.

Do bao gồm trở xuống: nói nhiếp tất cả, tất cả tuy nhiều không ngoài nhiếp tịnh. Nay có nghĩa giác nên nhiếp tịnh, có nghĩa bất giác nên nhiếp nhiễm, nên nói tất cả pháp.

Chẳng nói v.v... trở xuống là nói chẳng đồng hai môn. Do tướng nhiếp tịnh gồm hết mới thành tất cả. Nay nghĩa giác nhiếp tịnh chẳng nhiếp nhiễm, nghĩa bất giác nhiếp nhiễm chẳng nhiếp tịnh, đó là hai nghĩa cộng nhiếp tất cả thì có thể được, mỗi thứ nhiếp tất cả thì không thể được. Trong nếu một tâm hai môn, thì mỗi môn đã tự nhiếp nhiếp tịnh, do đó mà khác nhau, nên không nói mỗi thứ.

Phân biệt văn trước:

Lại trên v.v... trở xuống là phân biệt văn trước để do giải thích nghĩa sinh, trước là văn hỏi.

Do chân v.v... trở xuống là giải thích chung.

Không có nghĩa năng sinh, Văn nói: Vì tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt. Cho nên bất giác v.v... trở xuống, là mặt thuận theo dòng, sinh ra các pháp nhiễm, tức ba tế sáu thô, v.v...

Do bản giác v.v... trở xuống, là theo ngược dòng. Sinh ra các pháp tịnh, tức bốn vị, hai thân.

Nương đây v.v... trở xuống là kết chung.

Dưới bốn v.v... trở xuống là dẫn chứng chỗ nói.

Hỏi: Môn này đã có nghĩa sinh, vì sao lúc đầu không nói trong hai môn?

Đáp: Văn trước lấy sinh diệt và chân như đồng chỗ để nêu bày nên không tiện nói. Nay ở đây nói riêng, nên được nói là sinh.

Thuộc về nói nghĩa: Chẳng phải ngay đây v.v... trở xuống. Giống như vàng làm thành đồ trang sức, đồ trang sức không lia vàng. Nước sinh ra sóng, sóng chẳng lia nước, tức nghĩa tạng này trong ba tạng.

Đứng về tịnh, v.v..., Giác là pháp tịnh, trong đó có thể có bốn. Tức lúc theo dòng thể (bản giác) ẩn, dụng (thể giác) phế bỏ thì diệt. Khi ngược dòng thể hiển dụng khởi làm sinh.

Luận: Có chỗ nói v.v... trở xuống, có hai:

Hiển bày thể giác:

Nghĩa là tâm v.v... trở xuống, là nêu.

Số Lìa ở nơi, v.v... Tâm thể chân thật vốn tự sáng rỡ, niệm tướng luống dối từ xưa đến nay mê mờ. Nếu tâm có niệm ấy là mê mờ, gọi là bất giác. Tâm đã lia niệm thì không mê mờ, chỉ một cái biết sáng suốt, gọi là Giác.

Lại nói thể lia, nên biết vốn không. Do vốn không nên gọi là Bản giác.

Luận: Lìa tướng niệm v.v... trở xuống: là giải thích. Tướng là nghĩa tướng, tức hai nghĩa ở sau. Hai nghĩa này chính là tướng Bản giác, tức Tướng đại. Chữ “Đẳng” nghĩa là đồng nhau, nghĩa là nghĩa Bản giác đồng với hư không.

Số: Chẳng phải chỉ, v.v..., là giải thích chữ Tướng, tức nghĩa trí tuệ rộng lớn sáng suốt. Do mỗi nghĩa xứng với thể mà khắp, chẳng khác chẳng hai, đều đồng hư không, nên nói đồng với hư không. Văn này là nghĩa của Hải Đông số, nên ở đây dẫn chứng để dùng. Hai nghĩa như chỗ phối hợp ở sau.

Ngang khắp ba đời, nếu nói trùm khắp thì là nói chung cả phàm thánh, nếu nói chung thì hợp với ba mé.

Nay chỗ khác, là do ba mé, phàm thánh có thông lẫn nhau nên khi nêu ba đời thì trong mỗi mé phải đủ phàm thánh. Phàm thánh đều như, nên nói rộng khắp ba đời. Khi nêu phàm thánh, mỗi phàm thánh đu cả ba đời, đầu cuối đều như vậy, nên nói ngang dọc chung cả phàm thánh. Bởi muốn khác với thường nói rộng mà chẳng nói ngang dọc, nên có lời này để nói lên đều trùm khắp.

Tại thiên, v.v..., đây tuy nói về mặt ngang dọc, lời nói dường như

chưa tốt, nhưng lý cũng bao gồm thâu nhiếp. Nghĩa là tại triền sẽ đủ tính khí, xuất chương sẽ thâu nhiếp thân, hai đều không hai.

Hội thể đặt tên:

Luận Tức là v.v... trở xuống, Như Lai là ứng thân, Pháp thân là chân thân. Pháp thân Như Lai là Y sĩ thích. ý nói tâm thể và Pháp thân không hai, nên nói tức là. Lại, lia chân thân không ứng thân, ứng thân tức là chân thân, nên nói tức là. Pháp thân Như Lai đều đồng chân thân, vì đứng về mặt nhân để nêu pháp, gọi là Pháp thân Như Lai, cũng nghĩa tức là. Hai câu trên đều là Trì nghiệp thích, do đó chữ Tức chung cả ba dụng. Nhưng một dụng đầu là chính, hai dụng sau là gồm cả, người học nên biết.

Nói bình đẳng, v.v..., Thánh phạm chân tính viên mãn không hai.

Sớ: Muốn rõ, v.v..., muốn hiển bày bản giác tại triền nên nêu Pháp thân xuất triền. Đây là đứng về mặt quả để nói bày nhân, tuy tên nhân quả có khác mà thể chân thật không hai nên luận nói tức là.

Luận: Nương đây, là nương thể đặt tên. Nghĩa là tâm thể vắng lặng không có thay đổi. Từ xưa đến nay đáng làm khuôn phép, nên gọi là Pháp, là thể nương tụ nên gọi là Thân. Nay nương thể này mà đặt tên giác để nói lên Pháp thân, chẳng phải một bề bất động vắng lặng, không hay không biết. Lại, hiển bày giác này chẳng phải là pháp hữu vi sinh diệt, nên đứng về mặt Pháp thân để lập. Đây tức trên một thể vắng lặng nên gọi là Pháp thân, vì chiếu soi nên gọi là bản giác.

Cái gọi là nương; chỉ là nương vào nghĩa, chẳng đồng với cỏ cây nương gốc có mầm phân ra năng sở. Cũng chẳng đồng nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt, có tâm chân vọng. Đây chính là một thể chân thật, chỉ đối với thể này nghĩa chiếu cũng vậy, gọi là Bản giác.

Sớ: Đã là, v.v..., lý của Pháp thân trong giáo Ba thừa đồng chấp nhận bất sinh bất diệt là pháp sẵn có, đã gọi pháp này là giác thì có thể làm bốn.

Không tánh v.v... trở xuống, là dẫn chứng, Bản giác là nghĩa Pháp thân. Do trong tông này lý trí không khác, tức trí của lý gọi là bản giác, tức lý của trí gọi là Pháp thân. Như hạt ngọc sáng không hai không khác, chẳng đồng quyền tông là không, là khác.

